UED Journal of Social Sciences, Humanities & Education - ISSN: 1859 - 4603

TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI, NHÂN VĂN VÀ GIÁO DỤC

VAI TRÒ CỦA INTERNET ĐỐI VỚI SỰ LỰA CHỌN NGHỀ NGHIỆP CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH VÀ TP. BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Nhận bài:
25 – 04 – 2019
Chấp nhận đăng:
28 – 06 – 2019
http://jshe.ued.udn.vn/

Trần Thị Thanh Lan[a*], Thái Huỳnh Anh Chi[a], Đỗ Hồng Quân[b]

Tóm tắt: Trong kỉ nguyên công nghệ, với sự bùng nổ của thông tin hiện nay, Internet được xem là một trong những nhân tố then chốt tác động đến quyết định chọn nghề của học sinh. Do đó việc đánh giá đúng đắn vai trò của Internet và sử dụng hiệu quả công cụ này có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với hoạt động giáo dục hướng nghiệp. Đề tài áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (khảo sát 400 học sinh bằng bảng hỏi và thảo luận nhóm với 24 học sinh) được tiến hành trên địa bàn TP. HCM và TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nghiên cứu khẳng định Internet đã phần nào "trao quyền" cho học sinh và giúp các em tự chủ trong quyết định chọn nghề. Tuy nhiên, vai trò của Internet chủ yếu tác động đến quá trình bổ sung thông tin và củng cố sự tự tin trong lựa chọn trước đó của học sinh hơn là định hướng con đường nghề nghiệp từ ban đầu. Quá trình truyền thông tin Internet đến học sinh trong quá trình chọn nghề là quá trình truyền thông liên cá nhân hơn là truyền thông đại chúng.

Từ khóa: Internet; truyền thông đại chúng; lựa chọn nghề nghiệp; hướng nghiệp.

1. Giới thiệu

Từ những năm 1990 trở đi, sự phát triển của Internet [1, tr.107] cùng với các ứng dụng của nó đã tác động lớn lao đến nhiều khía cạnh của đời sống xã hội. Các nhà xã hội học truyền thông đại chúng đã chỉ ra rằng Internet, một mặt "giải phóng con người khỏi thứ văn hóa đại chúng mà phương tiện truyền hình đã từng áp đặt lên trên cá nhân" [2]; mặt khác, sự lệ thuộc của con người vào những hình thức mới của dòng chảy thông tin này làm cho chúng ta bị điều khiển bởi quyền lực to lớn của chính nguồn thông tin này [3]. Trong thời đại cách mạng công nghiệp hiện nay, Internet và sự tác động của Internet càng là một chủ đề được bàn thảo sôi nổi.

Khi đánh giá tác động của truyền thông đến giới trẻ và giáo dục nói chung, Treapăt [4] đặc biệt chú trọng đến vai trò của Internet khi cho rằng sự thăng hoa của công nghệ đã biến Internet thành một sự thay thế mới của thông tin và sự tương tác, điều không thể thiếu được đối với mọi thành phần dân cư, đặc biệt là người trẻ. Khi tìm hiểu các nhân tố tác động đến quyết định nghề nghiệp của học sinh, Internet được xem xét như một trong những nhân tố then chốt. Một số các nghiên cứu đã khẳng định vai trò vượt trội của Internet so với các yếu tố truyền thống - nghề nghiệp của cha mẹ [5]. Và truyền thông đại chúng là nguồn thông tin chính, cung cấp cho người trẻ kiến thức về các loại nghề đa dạng, thị trường việc làm và kiến thức về thế giới xung quanh [6]. Do đó, trong các quyết định của mình, học sinh được trao quyền nhiều hơn nhờ vào các nguồn thông tin tự thu thập được bằng việc sử dụng những thiết bị công nghệ thông tin mới [5].

Về vai trò to lớn của Internet, về tác động của nó tới giáo dục nói chung đã được khẳng định; tuy nhiên, trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp tại Việt Nam, liệu Internet đã được đánh giá và sử dụng hiệu quả hay chưa? Để có thể hướng tới và thực hiện những chương trình thực tế trong thực tiễn của hoạt động giáo dục hướng nghiệp, việc tìm hiểu về tác động của Internet đối với quyết định lựa chọn nghề nghiệp là một việc làm

[a] *Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục (IRED)*
[b] *Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh*
**** Tác giả liên hệ***
Trần Thị Thanh Lan
Email: ttt.lan@ired.edu.vn

quan trọng. Và công việc này còn quan trọng hơn nữa khi mà những công trình khảo sát tại Việt Nam về tác động của Internet đến những khía cạnh khác nhau của đời sống không nhiều, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục và hướng nghiệp.

Chính bối cảnh của kỉ nguyên công nghệ, vai trò và tầm quan trọng của Internet trong giáo dục nói chung và nhu cầu về dữ kiện thực nghiệm cho các hoạt động giáo dục hướng nghiệp đã thúc đẩy chúng tôi tìm hiểu sâu hơn về tác động của Internet đối với quyết định nghề nghiệp của học sinh.

Trong phần tiếp theo, chúng tôi trình bày cơ sở lí thuyết và phương pháp nghiên cứu. Theo sau đó là các kết quả nghiên cứu nổi bật liên quan đến thói quen sử dụng Internet của học sinh và tác động của Internet đến quyết định nghề nghiệp của học sinh. Phần kết luận tóm lược những kết quả nghiên cứu chính yếu và đưa ra những đề xuất có tính thực hành đối với các chủ thể khác nhau, bao gồm học sinh, nhà trường, gia đình và người xây dựng website hướng nghiệp.

2. Cơ sở lí thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí thuyết

2.1.1. Một số khái niệm chính

Truyền thông đại chúng

Theo Trần Hữu Quang, truyền thông là quá trình truyền đạt, tiếp nhận và trao đổi thông tin nhằm thiết lập các mối liên hệ giữa con người với con người. Nói cách khác, truyền thông tự nó bao hàm ý niệm tương giao xã hội [2, tr.2]. Truyền thông đại chúng là quá trình truyền đạt thông tin một cách rộng rãi đến mọi người trong xã hội thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình [2, tr.16].

Các phương tiện truyền thông đại chúng

Phương tiện truyền thông là những phương tiện và kênh dùng để chuyển tải thông tin, bao gồm các phương tiện và các kênh thông tin như: truyền hình, đài phát thanh, báo, bảng quảng cáo, thư điện tử, điện thoại, fax và Internet [7, tr.56].

Đặc điểm của các phương tiện truyền thông đại chúng là các tin tức của hệ thống này được truyền đến công chúng một cách nhanh chóng, đều đặn và gián tiếp. Hoạt động của hệ thống truyền thông đại chúng luôn chịu sự tác động từ hai phía, phía thứ nhất là các thiết chế xã hội mà phương tiện đó là công cụ, và phía thứ hai là công chúng báo chí [8, tr.3].

Internet

Internet được Lazarsfeld, Berelson, và Gaudet định nghĩa là một phương tiện truyền thông đa diện, nghĩa là nó chứa nhiều cấu hình giao tiếp khác nhau. Các hình thức đa dạng của nó cho thấy sự liên kết giữa các cá nhân với truyền thông đại chúng đã trở thành một đối tượng nghiên cứu vì hai luồng thông tin này có mối liên hệ với nhau [9].

Nghề nghiệp và sự lựa chọn nghề nghiệp

Nghề nghiệp (occupation) được định nghĩa là một tập hợp các công việc (jobs), có sự tương đồng cao về nhiệm vụ và trách nhiệm. Với một nghề nào đó, một người có thể nắm giữ một công việc chính ở hiện tại, công việc tương lai hoặc công việc đã làm trước đây [10, tr.11].

Sự lựa chọn nghề nghiệp, theo John L. Holland và cộng sự, là quá trình lựa chọn con đường nghề nghiệp, nó liên quan đến việc lựa chọn về giáo dục và đào tạo cho một nghề nhất định [11]. Nugent [12] lại nhấn mạnh đến các nhân tố tác động đến quá trình này, bao gồm cha mẹ, người tư vấn nghề nghiệp và các cơ hội đào tạo, cũng như chịu tác động của sở thích cá nhân và mô hình vai trò.

2.1.2. Lí thuyết liên quan đến tác động của truyền thông

Mức độ ảnh hưởng của truyền thông đại chúng được nhìn nhận khác nhau qua các thời kì khác nhau. Đã từng có thời, truyền thông được xem như một công cụ vạn năng (lí thuyết "viên đạn thần kì" [13], lí thuyết "kim tiêm" [14]). Tuy nhiên, đến giữa thế kỉ 20, khái niệm về các hiệu ứng mạnh mẽ của phương tiện truyền thông đối với khán giả đã không còn, thay vào đó là kỉ nguyên của những hiệu ứng giới hạn đã được mở ra với lí thuyết kích thích - phản ứng (stimulus - response) [15], lí thuyết luồng truyền thông hai giai đoạn (two step flow of communication). Sức tác động của truyền thông đại chúng lại được trở lại qua lí thuyết chức năng thiết lập chương trình nghị sự (agenda-setting function) được đề xướng năm 1972 bởi Shaw & McCombs [16]. Cuối cùng, chúng tôi cũng muốn đề cập đến lí thuyết về sử dụng và hài lòng (uses and gratifications) của Katz và cộng sự [17, tr.18] để nghiên cứu cách công chúng tiêu thụ phương tiện truyền thông.

Trên những cơ sở lí thuyết này, khi nghiên cứu về tác động của truyền thông đến lựa chọn nghề nghiệp của học sinh, chúng tôi xem xét đây là một quá trình truyền thông hai giai đoạn. Nghĩa là, học sinh không tiếp nhận thụ động, nhưng có quyền quyết định và lựa chọn thông tin. Sự hài lòng hay chưa thỏa mãn về thông tin của học sinh cũng sẽ được đánh giá để làm cơ sở cho việc cải thiện phương tiện truyền thông.

Sự xuất hiện của Internet từ thập niên 1990 cũng như các ứng dụng của nó có tác động lớn lao đến các mặt của đời sống xã hội. Khi đánh giá tác động của truyền thông đến giới trẻ và giáo dục nói chung, Treapăt [4] đặc biệt chú trọng đến vai trò của Internet khi cho rằng sự thăng hoa của công nghệ đã biến Internet thành một sự thay thế mới của thông tin và sự tương tác, điều không thể thiếu được đối với mọi thành phần dân cư, và phần lớn và người trẻ. Vai trò cụ thể của truyền thông ảnh hưởng đến việc chọn nghề của học sinh cũng được quan tâm qua một số nghiên cứu gần đây [5, 17]. Trong một nghiên cứu khác, Sharma [16] đã đánh giá việc lựa chọn nghề của học sinh đã trở nên phức tạp hơn trong thế kỉ 21 vì sự lệ thuộc của các cá nhân vào truyền thông đại chúng, đặc biệt là giới trẻ lại càng dễ bị xuôi theo truyền thông.

Ở Việt Nam, đặc biệt là từ sau thời kì đổi mới, lĩnh vực truyền thông đại chúng đã có nhiều khởi sắc, phát triển mạnh mẽ và tác động đến nhiều mặt trong đời sống kinh tế - xã hội. Một trong những lĩnh vực nghiên cứu chính về truyền thông đại chúng là các nghiên cứu về tác động xã hội của phương tiện truyền thông đại chúng. Tác động của truyền thông đại chúng và mạng xã hội cũng được đánh giá cụ thể lên đối tượng học sinh - sinh viên. Mặt khác, những nghiên cứu bước đầu về các nhân tố ảnh hưởng đến chọn nghề của học sinh - sinh viên đã kết luận: truyền thông đại chúng, đặc biệt là Internet, giữ vai trò chính trong việc cung cấp thông tin về thị trường lao động và việc làm, tác động đến việc lựa chọn nghề của học sinh [18]; cần có thêm những nghiên cứu chuyên sâu để làm rõ hơn về vấn đề này.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Loại hình nghiên cứu hỗn hợp (mixed methods) đã được áp dụng để tìm hiểu về tác động của Internet đến quyết định nghề nghiệp của học sinh trong nghiên cứu này. Theo đó, các phương pháp và dữ liệu định lượng cũng như định tính được lồng ghép với nhau, nhằm đáp ứng các yêu cầu của người nghiên cứu về việc trả lời một cách đầy đủ cho những câu hỏi được đặt ra [19].

2.2.1. Mẫu nghiên cứu

Các tiêu chí chọn mẫu khảo sát ở Đồng Nai và TP. HCM bao gồm: (1) Khu vực trung tâm thành phố và vùng ven. "Vùng ven" là những khu vực có một số hình thức chuyển đổi từ nông thôn đến thành thị. Những khu vực này thường giao thoa giữa thành thị và nông thôn và cuối cùng có thể phát triển hoàn toàn thành đô thị [20]. (2) Loại hình trường là trường THPT công lập, không chuyên. (3) Học sinh lớp 12 và không thuộc các lớp chọn/ lớp chuyên.

Có 04 trường THPT được chọn để thực hiện khảo sát. Ở Đồng Nai, chúng tôi chọn trường THPT Chu Văn An thuộc khu vực trung tâm, và trường THPT Nam Hà thuộc khu vực vùng ven. Ở thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi chọn trường THPT Bùi Thị Xuân (Quận 1) là trường thuộc khu vực trung tâm và trường THPT An Nghĩa (Huyện Cần Giờ) là trường thuộc khu vực vùng ven.

Với 400 học sinh tham gia trả lời bảng câu hỏi, được chọn theo phương pháp mẫu hạn mức (Quota sampling). Đây là một trong những phương pháp chọn mẫu phi xác suất. Đặc điểm nhân khẩu của mẫu khảo sát được trình bày ở Bảng 1:

Bảng 1. *Đặc điểm nhân khẩu của học sinh trong mẫu khảo sát (đơn vị: %)*

	Trung tâm	**Vùng ven**	**Tổng**
N	**200**	**200**	**400**
Nam	38.5	52.0	45.3
Nữ	61.5	48.0	54.8
Có tôn giáo	54.0	35.5	44.8
Không tôn giáo	46.0	64.5	55.3
Khá giả trở lên	16.0	10.5	13.3
Đủ ăn đủ mặc	75.5	71.0	73.3
Khó khăn	8.5	18.5	13.5

Những tiêu chí trên cũng được dùng trong việc chọn mẫu để thảo luận nhóm tiêu điểm đối với học sinh. Số lượng học sinh tham gia thảo luận nhóm là 24 người, được chia làm bốn nhóm, mỗi trường một nhóm.

2.2.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Quá trình thu thập dữ liệu được tiến hành qua hai bước. Trước hết, khảo sát học sinh bằng bảng hỏi khảo sát, sau đó, tiến hành thảo luận nhóm với những học

sinh được lựa chọn. Bảng hỏi khảo sát bao gồm bốn phần chính: (A) Thói quen sử dụng Internet, (B) Internet và quyết định nghề nghiệp, (C) Nhu cầu của học sinh về website hướng nghiệp, và (D) Thông tin về bản thân.

Có 06 học sinh trong số những học sinh trả lời bảng hỏi khảo sát ở mỗi trường được chọn lựa để tiến hành thảo luận nhóm tại trường vào một thời gian thích hợp, thường là ngay sau buổi khảo sát. Nội dung thảo luận xoay quanh bốn chủ đề được đề cập trong bảng hỏi.

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0 với các phương pháp thống kê mô tả. Dữ liệu định tính, với sự hỗ trợ của Google Voice Typing để rải băng, được phân tích bằng phương pháp phân tích theo chủ đề để hiểu được vai trò và tác động của Internet trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp của học sinh.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thói quen sử dụng Internet của học sinh

3.1.1. Cơ hội tiếp cận với Internet

Nhìn chung, cơ hội tiếp cận với Internet và công nghệ của học sinh trong mẫu khảo sát rất lớn. Trong đó, 87.8% học sinh cho biết gia đình của các em có kết nối internet tại nhà, 92% học sinh sở hữu điện thoại thông minh và 53.8% học sinh có máy tính cá nhân. Giữa hai khu vực trung tâm và vùng ven, không có sự chênh lệch đáng kể nào về sự tiếp cận với công nghệ và Internet thể hiện qua các khía cạnh trên.

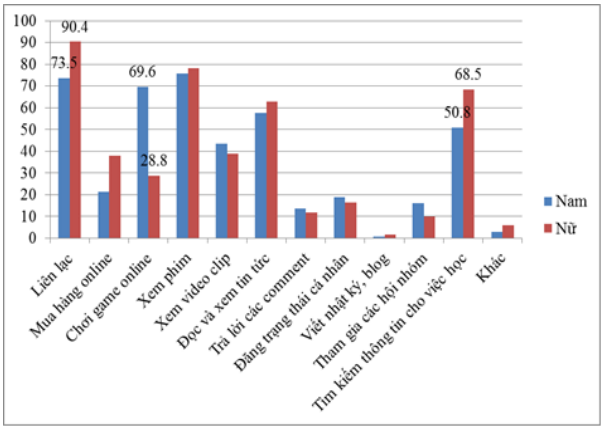
Thiết bị đa số học sinh dùng để truy cập Internet là điện thoại thông minh (smartphone), chiếm 91.8% (N = 400). Đây là xu hướng chung đối với người dùng thiết bị công nghệ tại Việt Nam và trên thế giới bởi kích thước nhỏ gọn, và tiện lợi của điện thoại thông minh.

Độ tuổi học sinh bắt đầu sử dụng Internet là từ 4 tuổi đến 17 tuổi, trong đó, phần lớn học sinh bắt đầu sử dụng Internet lúc từ 10 tuổi (tương đương lớp 5) trở lên, chiếm 78.6%. Có sự chênh lệch đáng kể về độ tuổi bắt đầu sử dụng Internet giữa hai nhóm học sinh trung tâm và vùng ven của hai thành phố, trong đó, học sinh tại khu vực trung tâm có độ tuổi bắt đầu sử dụng Internet thấp hơn là 10.8 tuổi, so với khu vực vùng ven là 11.9 tuổi. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($t(396) = -4.128$, $p = 0.000$).

Về mức độ sử dụng Internet, có 83.2% học sinh lớp 12 trong mẫu khảo sát sử dụng Internet hàng ngày và số giờ trung bình mà học sinh truy cập Internet mỗi ngày là 3.4 giờ. Theo báo cáo của Nielsen Việt Nam (2016), người Việt sử dụng trung bình 24.7 giờ để truy cập trực tuyến mỗi tuần. Nếu so sánh với kết quả này, học sinh lớp 12 trong mẫu khảo sát của chúng tôi đã thấp hơn 1 giờ (23.8 giờ) mỗi tuần để truy cập Internet.

3.1.2. Mục đích truy cập Internet

Việc khảo sát các hành động truy cập Internet của học sinh giúp hiểu hơn về thói quen sử dụng Internet của đối tượng này. Kết quả khảo sát cho thấy học sinh thường vào Internet để liên lạc với người khác (82.8%), xem phim (77%), tìm kiếm thông tin cho việc học (60.5%), đọc và xem tin tức (60.5%). Khoảng 50% học sinh trong số 400 em được khảo sát vào Internet để chơi game online (47.3%).

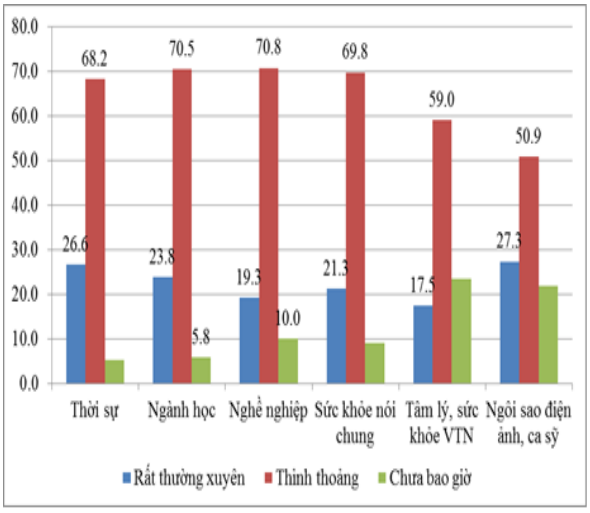


Hình 1. *Mục đích truy cập Internet phân theo giới tính*

Phân tích mục đích truy cập Internet của học sinh theo một số khía cạnh nhân khẩu như điều kiện kinh tế gia đình, khu vực, giới tính, thời gian truy cập Internet trong ngày cho thấy không có sự khác biệt nổi bật nào giữa các phân nhóm của từng khía cạnh này, ngoại trừ đặc điểm giới tính. Cụ thể, khi phân theo giới tính, có sự chênh lệch đáng chú ý giữa nam và nữ học sinh ở một số hoạt động (Hình 1). Chẳng hạn, có 90.4% học sinh nữ truy cập Internet để liên lạc với người khác trong khi tỉ lệ này ở học sinh nam là 73.5%. Tỉ lệ học sinh nam truy cập Internet để chơi game online lớn hơn gấp đôi so với học sinh nữ (69.6% so với 28.8%, tương ứng), ngược lại, tỉ lệ học sinh nữ tìm kiếm thông tin trên Internet cho việc học lớn hơn so với học sinh nam (68.5% so với 50.8%, tương ứng). Mức độ đọc và xem tin tức của học sinh nữ và học sinh nam tương đương gần bằng nhau.

Khảo sát chi tiết hơn về việc đọc và xem tin tức của học sinh ở các lĩnh vực khác nhau như tin thời sự, tin về

ngành học, nghề nghiệp, sức khỏe nói chung, sức khỏe tâm sinh lí vị thành niên và tin tức về các ngôi sao điện ảnh đã cho thấy mức độ học sinh thường xuyên theo dõi (đọc/ xem) các tin tức này khá thấp (Hình 2).

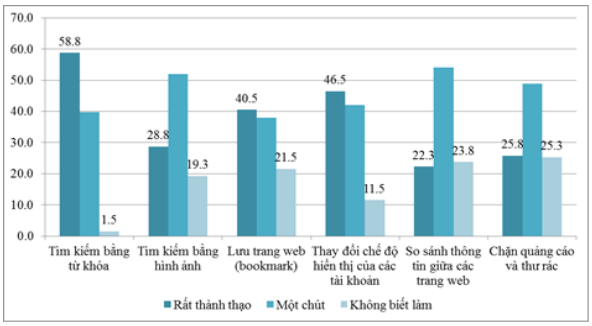


Hình 2. *Mức độ học sinh đọc/ xem các loại tin tức trên Internet*

Không có khác biệt giữa các nhóm học sinh khác nhau về khu vực trường học hoặc điều kiện kinh tế gia đình về mức độ theo dõi (đọc/ xem) các tin tức này. Khi phân chia theo giới tính, chỉ có sự khác biệt đáng chú ý giữa học sinh nam và học sinh nữ về mức độ rất thường xuyên theo dõi các tin tức về ngành học (17.7% so với 28.8% tương ứng).

3.1.3. Kĩ năng truy cập Internet

Tìm hiểu về kĩ năng truy cập Internet của học sinh nói chung giúp cho việc hiểu hơn về hoạt động tìm hiểu nghề nghiệp của học sinh thông qua các trang mạng. Kết quả khảo sát tại Hình 3 cho thấy có một số kĩ năng mà học sinh thông thạo hơn bao gồm tìm kiếm bằng từ khóa, thay đổi chế độ hiển thị của các tài khoản cá nhân và lưu trang web (bookmark). Ngược lại, học sinh tỏ ra mơ hồ đối với một số kĩ năng như tìm kiếm bằng hình ảnh, so sánh thông tin giữa các trang web và chặn quảng cáo, thư rác.



Hình 3. *Kĩ năng truy cập Internet của học sinh*

3.1.4. Phân tích nhân tố khám phá về thói quen sử dụng Internet của học sinh

Để hiểu rõ hơn về thói quen sử dụng Internet của học sinh, chúng tôi đặt ra 18 mệnh đề/ các nhận định có thang đo từ 1-Hoàn toàn không đúng tới 5-Hoàn toàn đúng để học sinh lựa chọn mức độ. Tỉ lệ phần trăm từng câu trả lời của học sinh cho thấy có sự phân cực trong câu trả lời. Cụ thể, học sinh có xu hướng không tin tưởng vào "bạn bè" trên mạng xã hội (M8) và không dễ dàng bộc lộ những điều riêng tư trên mạng xã hội (M9) (51% và 49%, tương ứng). Trái lại, học sinh có xu hướng rất đồng tình với mệnh đề M3 và M4, cho rằng "Em cảm thấy thoải mái nếu có thể truy cập vào Internet bất cứ khi nào muốn" (56.5%) và "Em thường tìm đến Internet mỗi khi căng thẳng vì học tập" (49.3%). Để nhận biết rõ ràng hơn những ý nghĩa ẩn ngầm đằng sau những mệnh đề này về thói quen sử dụng Internet của học sinh, phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis - EFA) đã được thực hiện.

Một trong những điều kiện để thực hiện EFA là cỡ mẫu phải lớn hơn hoặc bằng 4 đến 5 lần số mệnh đề đưa vào phân tích. Dữ liệu của chúng tôi đảm bảo điều kiện này, cỡ mẫu là 400 và mệnh đề là 18, lớn hơn 22 lần. Điều kiện thứ hai là hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin Measure) dùng để xem xét sự thích hợp của phân tích nhân tố phải có giá trị từ 0.5 đến 1. Dữ liệu phân tích với KMO = 0.799 cho thấy phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp, với kiểm định Bartlett's Test có giá trị p=0.000. Kết quả phân tích cho thấy có bốn nhân tố được hình thành từ 18 mệnh đề (Bảng 2). Bốn nhân tố này giải thích được 53% biến thiên của dữ liệu.

Tiếp theo, việc tính hệ số Cronbach's Alpha (α) được thực hiện nhằm xác định sự nhất quán nội tại của các mệnh đề trong một nhân tố. Nhân tố [số 1] có hệ số

α = 0.78, nhân tố [số 2] có hệ số α = 0.73 (nằm trong khoảng tin cậy được, $0.7 \leq \alpha \leq 0.8$) và tương quan biến-tổng (Corrected Item-Total Correlation) của các mệnh đề trong hai nhân tố này đều lớn hơn 0.4 (tức là không phải loại mệnh đề nào ra khỏi nhân tố này). Như vậy nhân tố [số 1] và [số 2] được chấp nhận.

Nhân tố [số 1] được đặt tên là "Tính chủ động trong việc tìm hiểu nghề nghiệp trên Internet", và nhân tố [số 2] là "Tính chủ động trong việc thể hiện bản thân trên Internet". Đối với nhân tố [số 3] và [số 4], hệ số Alpha lần lượt bằng 0.61 và 0.53 cho thấy độ tin cậy nhất quán nội tại của các mệnh đề trong các nhân tố này không cao. Chính vì vậy, nhân tố [số 3] và [số 4] không được xem là thích đáng khi khái quát lên thành một khái niệm. Do đó, hai nhân tố này không được xem xét đến trong các phân tích sâu hơn của chúng tôi.

Như vậy, phân tích nhân tố khám phá về việc sử dụng Internet của học sinh cho thấy hai khía cạnh chính đó là tính chủ động trong việc tìm hiểu nghề nghiệp thông qua Internet và tính chủ động thể hiện bản thân trên Internet. Xét về mức độ chủ động, nhìn chung mức độ chủ động rất thấp, thể hiện qua tỉ lệ phần trăm câu trả lời của học sinh trong các lựa chọn ở mỗi mệnh đề.

Bảng 2. *Phân tích nhân tố về việc sử dụng Internet của học sinh*

Stt	Các mệnh đề (M)	Nhân tố			
		1	**2**	**3**	**4**
1.	Em thường xuyên tìm kiếm trên Internet về thông tin ngành nghề dự định học (M13)	**0.76**	-0.21	-0.01	0.09
2.	Em thường xuyên theo dõi tin tức về nghề nghiệp trên mạng xã hội (M1)	**0.68**	0.00	-0.05	0.10
3.	Em thường ghi nhớ tốt những nội dung về nghề nghiệp trên Internet (M15)	**0.67**	0.05	0.10	-0.01
4.	Em thích tự tìm kiếm thông tin về nghề nghiệp trên Internet (M2)	**0.65**	-0.13	-0.09	0.30
5.	Em thường nói chuyện với người khác về thông tin nghề nghiệp trên Internet (M16)	**0.64**	0.37	0.02	-0.03
6.	Em đã từng đặt câu hỏi nhờ tư vấn về nghề nghiệp trên Internet (M14)	**0.59**	0.16	0.06	-0.12
7.	Em thường xuyên trao đổi với người khác trên mạng xã hội về nghề nghiệp (M11)	**0.54**	0.46	0.06	-0.19
8.	Em dễ dàng thể hiện quan điểm khác biệt của em qua mạng Internet (M17)	0.15	**0.73**	-0.10	0.02
9.	Em dễ bộc lộ những điều riêng tư, thầm kín trên mạng xã hội (M9)	-0.02	**0.67**	0.23	0.11
10.	Em cảm thấy dễ dàng chia sẻ mong muốn của bản thân trên mạng xã hội (M6)	-0.05	**0.66**	0.09	0.37
11.	Em thích bộc lộ sở thích nghề nghiệp của mình trên Internet (M12)	0.44	**0.59**	0.08	-0.01
12.	Em cảm thấy được là chính mình khi tương tác trên mạng xã hội (M18)	-0.01	**0.57**	0.30	0.24
13.	Em tin tưởng vào bạn bè trên mạng xã hội (M8)	-0.06	0.24	**0.80**	-0.08
14.	Em cảm thấy tự hào về bạn bè trên mạng xã hội (M7)	-0.03	0.22	**0.72**	0.20
15.	Em tin tưởng vào những thông tin nghề nghiệp trên Internet (M10)	0.34	0.03	**0.62**	0.11
16.	Em cảm thấy thoải mái nếu có thể truy cập vào Internet bất cứ khi nào muốn (M3)	0.08	0.10	0.05	**0.72**
17.	Em thường tìm đến Internet mỗi khi căng thẳng vì học tập (M4)	0.11	0.18	0.00	**0.71**
18.	Em có nhiều bạn bè trên mạng xã hội hơn ngoài đời thực (M5)	-0.06	0.30	0.25	**0.51**
	% phương sai	**23.2**	**15.1**	**7.7**	**7.0**

2.3. Internet và quyết định nghề nghiệp của học sinh

3.2.1. Hoạt động khai thác Internet phục vụ mục đích hướng nghiệp

Hoạt động khai thác Internet được khảo sát và phân tích dựa vào nội dung thông tin mà học sinh tìm kiếm và các cách thức, kĩ năng mà học sinh sử dụng để khai thác thông tin từ Internet.

Nội dung thông tin

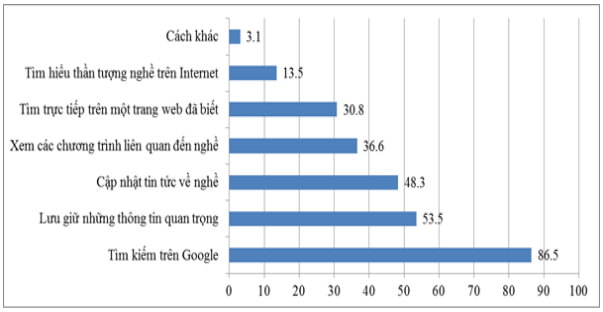
Đối tượng học sinh tham gia khảo sát của đề tài này là học sinh lớp 12, thông tin đầu tiên từ Internet mà học sinh muốn khai thác để phục vụ cho việc chọn nghề của bản thân là thông tin về trường và điểm chuẩn để có thể đỗ vào trường đó. Nội dung thứ hai mà học sinh quan tâm là thông tin liên quan cụ thể hơn đến ngành nghề tương lai. Kết quả khảo sát học sinh cho thấy phần lớn học sinh tìm hiểu về yêu cầu của nghề nghiệp (89.2%) và nơi đào tạo (71.1%) (N=370). Ngoài ra, học sinh còn quan tâm tìm hiểu về môi trường làm việc của nghề, mức thu nhập, kinh nghiệm của người khác nói về nghề, thị trường lao động, và thông tin về du học.

Ngoài những nội dung thông tin như đã nêu trên, học sinh có thể tiếp xúc với các thông tin đặc thù từ các fanpage, mạng xã hội… So với nguồn thông tin "tĩnh" từ các phương tiện truyền thông đại chúng khác, dạng thông tin từ tương tác của mạng xã hội mang tính thiết thực và cụ thể hơn, gắn trực tiếp với từng trường hợp cụ thể mà cá nhân học sinh tự tương tác - đặt vấn đề và nhận thông tin. Chẳng hạn, học sinh có thể thu thập thông tin về một ngành nghề cụ thể và học hỏi kinh nghiệm từ những người đi trước thông qua các trang (fanpage) hoặc các nhóm (group) trên Facebook. Tùy thuộc vào mối quan tâm của mỗi học sinh, khi tham gia vào các nhóm hoặc theo dõi các trang này, học sinh sẽ thường xuyên nhận được thông tin liên quan đến ngành nghề mà học sinh chọn nhờ các bài đăng và bình luận của thành viên trong các trang cộng đồng mạng này.

Có thể thấy hành vi tìm kiếm nội dung thông tin cụ thể thể hiện sự tương đồng nhất định với quan điểm, nhận thức của bản thân học sinh về nghề nghiệp tương lai. Đối với những học sinh đã có định hướng cụ thể về nghề thì nội dung tìm kiếm từ Internet cũng sẽ cụ thể, đúng hướng và khai thác được nhiều thông tin hơn. Ngược lại, đối với những em chưa có bất kì định hướng nào về nghề nghiệp của mình thì hầu như Internet cũng không phát huy hết được vai trò cung cấp thông tin của mình.

Cách thức, kĩ năng khai thác thông tin

Hầu hết những học sinh trong mẫu khảo sát có sử dụng Internet để tìm hiểu về nghề nghiệp đều sử dụng Google để tìm kiếm (86.5%) (Hình 4). Trong hàng loạt kết quả tìm kiếm từ Google, học sinh cũng đã có những nhận định riêng của mình về chất lượng của các trang web, lưu lại các trang web đáng tin để tìm kiếm thông tin về nghề. Ngoài ra, học sinh cũng biết cách lưu giữ những thông tin mà các em cho là quan trọng bằng nhiều cách khác nhau như sử dụng bookmark (đánh dấu trang), chụp màn hình, lưu vào Google Drive, ghi chú vào cuốn sổ tay.



Hình 4. *Cách thức thu thập thông tin về nghề*

Học sinh cũng phân định rất rõ thông tin nào nên tìm kiếm từ Internet, và những thông tin nào nên hỏi người tư vấn (ba mẹ, thầy cô, các tổ chức phụ trách nhiệm vụ tư vấn - hướng nghiệp). Đối với thông tin từ Internet, học sinh cũng phân biệt rõ dạng thông tin nào cần xem trên website và thông tin nào nên tiếp cận bằng cách tham dự vào các mạng xã hội (fanpage, facebook). Học sinh cũng xây dựng những tương tác bước đầu bằng cách tham gia vào các fanpage, đọc bài viết, các bình luận trên các trang, hoặc chủ động trao đổi và để lại thông tin liên lạc của mình để nhận được sự tư vấn. Bằng cách này học sinh đã trực tiếp tiếp xúc với nguồn sơ cấp của thông tin.

Trong bối cảnh nội dung thông tin đa dạng, những giới hạn thông tin bị phá vỡ và mức độ tin cậy của thông tin khác nhau, học sinh đã thực hiện vai trò "người nhận tin" của mình một cách chủ động hơn, không chỉ qua hành vi lựa chọn nội dung thông tin đáp ứng nhu cầu của cái mình cần và giải đáp những thắc mắc mà mình quan tâm; mà còn có những thao tác để tự đánh giá độ tin cậy của thông tin. Đây là một trong những kĩ năng quan trọng, đảm bảo việc phát huy tính ưu việt của Internet khi học sinh sử dụng. Ngoài ra, kĩ năng quản lí thời gian và

cân bằng giữa Internet và các hoạt động khác cũng được xem xét như một trong những kĩ năng đảm bảo tính hiệu quả của việc dùng Internet.

3.2.2. Internet tác động đến quyết định nghề nghiệp của học sinh

Thông tin Internet - so sánh với các nguồn thông tin khác

So với các nguồn thông tin khác, Internet là một công cụ đặc thù, bộc lộ nhiều lợi thế và cả những hạn chế hơn. Ba nguồn thông tin mà các tác giả muốn so sánh ở đây là: (1) thông tin từ cha mẹ, (2) thông tin chia sẻ của những "người đi trước" và (3) thông tin từ hoạt động tư vấn tổ chức tại trường hoặc từ các công ty, dịch vụ tư vấn.

Ba mẹ và người thân được xem là nguồn tin đầu tiên định hướng cho quyết định chọn nghề của học sinh. Điều này được giải thích qua hai khía cạnh: hình mẫu và sự tin tưởng. Nguồn thông tin của cha mẹ không chỉ có tác động định hướng lựa chọn nghề cho học sinh, mà từ đó còn định hướng việc tìm kiếm thông tin cụ thể của các em trên Internet. Thông tin trên Internet trong trường hợp này là thông tin đến sau, và hành vi tìm kiếm thông tin từ Internet, nội dung truy vấn không hoàn toàn từ ý định của học sinh. Tuy nhiên, so với thông tin từ cha mẹ, thế mạnh của thông tin Internet là sự phong phú, đa dạng hơn. Nguồn thông tin thứ hai là từ "người đi trước", có thể là anh chị, người quen, hoặc bạn bè kết thân qua mạng xã hội. Nguồn thông tin này được đánh giá là ít mang tính áp đặt hơn thông tin của bố mẹ, và xác thực hơn thông tin chung trên Internet. Các hoạt động tư vấn hướng nghiệp tại trường, hay các công ty tư vấn cũng đem lại hiệu quả nhất định. Cách thức trao đổi thông tin với các hoạt động tư vấn hướng nghiệp cũng là một thế mạnh của dạng thông tin này. Vì học sinh được giải đáp thắc mắc trực tiếp dựa trên nhu cầu bản thân, nguồn thông tin do đó sẽ cụ thể và sâu sát hơn.

Nghiên cứu của Saleem và cộng sự (2014) chỉ ra rằng: học sinh được trao quyền nhiều hơn nhờ những thông tin mà họ thu thập được qua những công nghệ truyền thông mới. Tuy nhiên, sự "trao quyền" này chỉ được thực hiện, khi học sinh chủ động tìm đến với thông tin. Với những thông tin tự thu thập được từ Internet, học sinh có đủ kiến thức và cơ sở để phản biện lại những thông tin, có khi là trái chiều, được định hướng từ trước của cha mẹ, người thân.

Vai trò của Internet - So sánh giữa học sinh trung tâm và vùng ven

Theo kết quả khảo sát, điều kiện để học sinh kết nối được với Internet là như nhau giữa trung tâm và vùng ven. Trong cùng một điều kiện đó, nghiên cứu lại cho thấy một số những khác biệt nhỏ giữa học sinh trung tâm và vùng ven do các nhân tố gián tiếp tác động đến quá trình sử dụng Internet của các em. Học sinh thành thị sử dụng đa dạng hơn các nguồn tin từ Internet, đặc biệt là các trang web tiếng Anh. Nhờ thành thạo trong việc sử dụng các trang web tiếng Anh, học sinh thành thị được mở rộng nguồn tin và có thêm nhiều lựa chọn cho nghề nghiệp của mình, đặc biệt là định hướng đi du học sau khi tốt nghiệp (trong số các học sinh có ý định đi du học, 78,8% là học sinh thành thị). Bên cạnh đó, sự tự chủ thông tin của học sinh thành thị có phần nổi trội hơn, khi các em đã biết tự mình loại trừ và sàng lọc thông tin, tìm đến với nhiều nguồn tin phong phú và tin cậy, mạnh dạn trong việc dùng thông tin và kết bạn trên mạng xã hội. Trong khi đó, học sinh vùng ven có xu thế bộc lộ những trở ngại trong việc truy cập tin tức Internet và cũng thận trọng hơn khi lựa chọn và sử dụng thông tin.

Mức độ tác động của Internet

Với những học sinh đã xác định được nghề nghiệp sau khi kết thúc chương trình học ở bậc THPT, chúng tôi đã khảo sát về tác động của Internet đối với sự lựa chọn nghề nghiệp của những học sinh này, cụ thể là 370 học sinh. Nếu như những tác động của Internet diễn ra là một quá trình, đi từ việc định hình về con đường nghề, cung cấp thêm thông tin và thay đổi nhận thức của học sinh, thì vai trò của Internet thể hiện rõ nhất trong việc cung cấp, bổ sung thêm thông tin đã có, củng cố sự tự tin khi lựa chọn nghề nghiệp và kiểm tra lại thông tin của các nguồn khác.

Chỉ có 20.4% học sinh cho rằng quyết định nghề nghiệp của các em bị thay đổi do tác động của Internet. Những học sinh này đa số là học sinh thuộc khu vực trung tâm, và thuộc gia đình có mức sống khá giả theo đánh giá của học sinh. Đây cũng là nhóm học sinh lựa chọn những nghề nghiệp thuộc nhóm ngành dịch vụ. Trong khi học sinh lựa chọn nghề thuộc các nhóm ngành khác có tỉ lệ bị "thay đổi quyết định" do tác động của Internet là 11.6%, thì tỉ lệ này ở nhóm học sinh chọn nghề nghiệp thuộc

ngành dịch vụ là 22.9%. Sự chênh lệch này có ý nghĩa thống kê ở mức 0.05 (X2 (1) = 9.126, p = 0.003).

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ theo dõi (đọc/ xem) các tin tức về nghề nghiệp và ngành học một cách chủ động quyết định sự tác động của Internet lên quyết định nghề nghiệp của học sinh. Cụ thể như sau: Trong tổng số 370 học sinh đã có quyết định nghề nghiệp cho bản thân, có 72.8% học sinh cho rằng Internet đã giúp họ có thêm thông tin về nghề nghiệp mà họ chọn lựa. Số liệu thống kê cho thấy những học sinh càng thường xuyên theo dõi tin tức (ngành học và nghề) có tỉ lệ càng cao về việc bổ sung thông tin; và điều này có ý nghĩa thống kê (ngành học: X2 (2) = 25.205, p = 0.000; nghề nghiệp: X2 (2) = 10.022, p = 0.007). So sánh với tác động bổ sung thông tin, tác động củng cố sự tự tin trong quyết định nghề của học sinh có tỉ lệ thấp hơn, chỉ chiếm 44.5% trong tổng số 400 học sinh được khảo sát. Tuy nhiên, tác động này cũng theo tỉ lệ thuận. Cũng cùng một xu hướng như trên, học sinh càng thường xuyên theo dõi tin tức về ngành học và nghề nghiệp một cách chủ động thì tỉ lệ tác động của Internet ở khía cạnh kiểm tra/ xác thực thông tin càng lớn (ngành học: X2 (2) = 4.207, p = 0.122; nghề nghiệp: X2 (2) = 5.806, p = 0.05).

Qua đó cho thấy, thông tin từ Internet cũng không làm thay đổi nhiều lựa chọn ban đầu của học sinh, và ở nghiên cứu này, chúng tôi không thấy rõ vai trò của Internet thể hiện qua các giai đoạn tìm hiểu nghề và quyết định nghề của học sinh. Thông tin Internet hầu như chỉ tham gia tích cực nhất vào giai đoạn cuối khi học sinh đứng trước lựa chọn chính thức về nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp trung học phổ thông.

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Học sinh trong mẫu khảo sát có cơ hội tiếp cận với Internet rất lớn. Đặc biệt, không có sự khác biệt nào về cơ hội tiếp cận với Internet giữa học sinh thuộc khu vực vùng ven và khu vực trung tâm. Điện thoại thông minh là phương tiện chính yếu để truy cập Internet của học sinh phổ thông. Học sinh truy cập Internet tập trung vào một số hoạt động như liên lạc, xem phim, học tập, xem tin tức, mức độ theo dõi tin tức của học sinh về nhiều khía cạnh khác nhau đều rất thấp. Đặc biệt, đối với khía cạnh tin tức về ngành học và nghề nghiệp, mức độ thường xuyên theo dõi cho mỗi khía cạnh chỉ khoảng 20% học sinh. Nhìn chung, học sinh khá thành thạo với các kĩ năng liên quan đến việc sử dụng Internet.

Mặc dù Internet tham gia tích cực trong quá trình tìm kiếm thông tin và định hướng nghề nghiệp của học sinh, đây không hẳn là công cụ chính tác động đến quyết định nghề nghiệp của học sinh, mà chủ yếu là bổ sung thông tin và củng cố sự tự tin trong lựa chọn trước đó của học sinh. Thực tế là học sinh sử dụng Internet nhiều cho các mục đích khác nhau, nhưng quyết định nghề nghiệp lại phụ thuộc vào tư vấn của người thân, công tác tư vấn và bản thân. Khả năng sử dụng thông tin chưa hợp lí và độ tin cậy của thông tin hạn chế đã cản trở mức độ độc lập, và học sinh vẫn còn phụ thuộc lớn vào cha mẹ, người thân, và các công cụ hướng nghiệp truyền thống. Tuy nhiên, cũng phải thừa nhận là Internet phần nào đã "trao quyền" cho học sinh, cho phép chúng mở mang kiến thức và phần nào tự định hướng nghề nghiệp bản thân. Mức độ làm chủ thông tin phụ thuộc vào sự chủ động của học sinh. Điều này có sự khác biệt giữa học sinh thành thị và vùng ven.

Có thể thấy quá trình truyền thông tin Internet đến học sinh trong quá trình chọn nghề là quá trình truyền thông liên cá nhân hơn là truyền thông đại chúng. Điều này phản ánh rõ luận điểm của lí thuyết truyền thông hai giai đoạn, khi học sinh thường xuyên trao đổi thông tin cập nhật được từ Internet với người khác (cha mẹ, thầy cô, người quen…).

4.2. Khuyến nghị

Không nên nhìn nhận vai trò truyền thông chỉ ở khía cạnh trực tiếp (xảy ra ngay khi học sinh muốn chọn nghề) dẫn đến động cơ tìm thông tin chỉ dừng lại ở mức tìm trường và xem điểm chuẩn. Cần phát huy vai trò của Internet sớm hơn, và quá trình hướng nghiệp nên được nhìn nhận là một chặng đường để cung cấp cho học sinh chân dung về nghề rõ hơn, để học sinh có được lựa chọn đúng đắn dựa trên nhiều yếu tố chủ quan (bản thân) và khách quan (thị trường lao động, việc làm). Qua đó, làm tăng tính chủ động và trách nhiệm của học sinh với con đường sự nghiệp của bản thân, giảm những lệ thuộc vào các tác nhân truyền thống; và những tác nhân khác sẽ ý thức được vị trí và vai trò của Internet trong tiến trình lựa chọn và quyết định nghề của học sinh.

Người xây dựng trang web (mục thông tin liên quan đến vấn đề hướng nghiệp) cần quan tâm nghiên cứu

thêm về nhu cầu của học sinh khi xây dựng, thiết kế các trang web, chuyên mục về nghề nghiệp. Tránh sự chênh lệch giữa cơ cấu nội dung được truyền thông và nội dung học sinh tiếp nhận hay mong muốn được tiếp nhận. Nếu là trang web chuyên biệt về nghề cần đảm bảo thông tin có sự tổng hợp cao và bao quát hết các nội dung trong một quá trình chọn nghề và định nghiệp của học sinh. Các trang web cũng cần đảm bảo phát huy tốt các tính năng vượt trội của mình: cập nhật nhanh và tương tác cao. Cuối cùng cần chú ý tới nhu cầu của các đối tượng học sinh còn chịu thiệt thòi: ở vùng sâu vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn.

Học sinh cần phát huy vai trò tích cực của Internet trong việc học tập và chọn nghề của mình bên cạnh các mục đích giải trí, tham khảo thông tin và giao lưu kết bạn thông thường. Học sinh cũng cần nâng cao tính chủ động trong việc tìm kiếm thông tin vì nguồn thông tin trên Internet là không giới hạn. Học sinh nên kết hợp thông tin Internet với các kênh thông tin khác để tự xác định và xác định lại sự phù hợp của nghề đã chọn đối với bản thân và với thị trường lao động trong tương lai. Bên cạnh đó, việc trau dồi các kĩ năng sử dụng Internet và sàng lọc để xác thực thông tin là điều cần thiết.

Gia đình và nhà trường cần góp phần hỗ trợ học sinh khai thác hiệu quả thông tin từ Internet và tân dụng thế mạnh của nguồn thông tin Internet. Đồng thời, nên tận dụng lợi thế của Internet và sử dụng công cụ này trong quá trình hướng dẫn và đồng hành với con em để đưa ra quyết định chọn nghề đúng đắn.

Tài liệu tham khảo

[1] Leiner, B.M., Cerf, V.G., Clark, D.D., Kahn, R.E., Kleinrock, L., Lynch, D.C., Postel, J.B., Roberts, L.G., & Wolff, S.S. (1997). The Past and Future History of the Internet. *Communication of the ACM*, 40, 102-108.

[2] Trần Hữu Quang. (2015). *Xã hội học báo chí*. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Quốc gia Tp. HCM.

[3] Castells, M. (2010). *The Rise of the Network Society*. Massachusetts: Blackwell Publishing (Vol. I).

[4] Treapăt, L. M. (2017). The influence of mass-media upon students' education, a two-edged sword. *Journal of Business and Social Sciences*, 6(02), 1-18.

[5] Saleem, N., Ahmad, M., & Irfan, H. (2014). *Career Selection: Role of Parent's Profession, Mass Media and Personal Choice*. Bulletin of Education and Research, 36(2), 25-37.

[6] Sharma, K. (2015). Influence of media exposure on Vocational Interest among adolescents. *International Journal of Applied Research*, 1, 30-33.

[7] Mehraj, H. K., Bhat, A. N., & Mehraj, H. R. (2014). Impacts of Media on Society: A Sociological Perspective. *International Journal of Humanities and Social Science Invention*, 3(6), 56-64.

[8] Mai Quỳnh Nam (1996). Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội. *Tạp chí Xã hội học*, 1(53).

[9] Morris, M., & Ogan, C. (1996). The Internet as Mass Media. *Journal of Communication*, 46(1), 39-50.

[10] International Labor Office (ILO). (2012). International Standard Classification of Occupations. *Isco*-08, I, 1-420.

[11] John, W. L., Studham, R. S., Robert, P. S., Lucy, W. G., & Adam, W. D. (2009). *Holland's Vocational Theory and Personality Traits of Information Technology Professionals.* Handbook of Research on Contemporary Theoretical Models in Information Systems, 529-543.

[12] Nugent, P. M. S. (2013, April). *Career choice*. PsychologyDictionary.org. https://psychologydictionary.org/vocational-choice/.

[13] Schramm, W. (1971). The nature of communication between humans. In W. Schramm & D. E. Roberts (Eds.), *The process and effects of mass communication* (pp.3-35). Urbana: IL: Urbana: University of Illinois Press. 99.

[14] Berlo, D. K. (1960). *The process of communication; an introduction to theory and practice.* New York: Holt, Rinehart and Winston.

[15] Lawrence DeFleur, M., & J. Ball-Rokeach, S. (1989). *Theories of Mass Communication*. New York: Longman.

[16] Shaw, D. L., & McCombs, M. E. (1972). *The agenda-setting function of mass media*. Public Opinion Quarterly.

[17] Ruggiero, T. E. (2000). Uses and Gratifications Theory in the 21st Century. *Mass Communication and Society*, 3(1), 3-37.

[18] Đặng Thị Ngọc Lan, Trần Khánh Hưng, Trần Thị Thanh Lan (2017). *Các yếu tố tác động đến quyết định nghề nghiệp của học sinh từ 15 đến18 tuổi tại Đồng Nai*. Đề tài NCKH, Viện Giáo dục IRED.

[19] Nguyễn Xuân Nghĩa. (2016). *Phương pháp và kĩ thuật trong nghiên cứu xã hội*. NXB Lao động Xã hội.

[20] Lasisi, M., Popoola, A., Adediji, A., Adedeji, O., & Babalola, K. (2017). City Expansion and Agricultural Land Loss within the Peri-Urban Area of Osun State, Nigeria. *Ghana Journal of Geography*, 9(3), 132-163.

INTERNET AS A FACTOR IN STUDENTS' CAREER CHOICE: A CASE STUDY INVOLVING HIGH SCHOOL STUDENTS IN HO CHI MINH CITY AND BIEN HOA CITY

Abstract: In the current digital era, with the explosion of information technology, the Internet is recognized as one of the key factors affecting students' career decisions. Therefore, the proper assessment and effective usage of the Internet would have important and practical implications for vocational education. This study applied mixed methods, in which 400 students were surveyed by questionnaires and 24 students were interviewed in focus group discussion, and those were conducted in HCMC and Bien Hoa City of Dong Nai province. The results of the study confirm that the Internet has comparatively "empowered" students and helps them be autonomous in career decisions. Rather than orientating their career path from the beginning, the role of the Internet primarily affects the process of supplementing information and strengthening students' confidence in their previous choices . Furthermore, the process of transmitting information from the Internet to students during the career selection is considered as an interpersonal communication rather than mass communication.

Key words: Internet; mass communication; career choice; career guidance.